

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-11-2019  
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Quỳnh  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đình Đường  
Bà Bùi Thị Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Như Quỳnh – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên toà.***

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2019/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Trọng K, sinh năm 1989;

Địa chỉ cư trú: Xóm S, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

**- Bị đơn:** Chị Lê Thị Hương L, sinh năm 1992;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm S, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện tại: 250-12 Nechyangro, Jeongnam–Myeon, hwaseong-ssi, Gyeonggi-do, Korea (Hàn Quốc); vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Lê Anh D, sinh năm 1965;

Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1972;

Đều cư trú cùng địa chỉ: Số nhà C, tổ dân phố B, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng K trình bày:

Anh và chị Lê Thị Hương L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 02/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm, đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có việc làm ổn định, bất đồng về quan điểm sống, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Đến cuối năm 2015 chị L đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, ít liên lạc hỏi thăm chia sẻ cuộc sống nên tình cảm vợ chồng ngày càng mất dần. Từ cuối năm 2016 trở đi thì vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Hiện nay, anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Hương L.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị Hương L có 01 con chung là Nguyễn An N, sinh ngày 18/6/2014. Hiện nay, con chung đang được bố mẹ vợ là ông Lê Anh D và bà Ngô Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì chị L sắp hết thời gian lao động ở Hàn Quốc sẽ về Việt Nam trong thời gian tới, còn anh đang làm thủ tục đi xuất khẩu lao động sang nước ngoài, để thuận tiện cho việc chăm sóc con thì anh và chị L thỏa thuận: Giao con chung cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Lê Thị Hương L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Hương L đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Chị được anh Nguyễn Trọng K thông báo về việc anh K nộp đơn xin ly hôn chị tại Tòa án. Do đó, chị đã gửi bản tự khai đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trình bày: Chị thừa nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như anh K trình bày. Chị và anh K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 02/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thiếu tin tưởng nhau nên hay cãi cọ đến mức độ căng thẳng. Đến cuối năm 2015, chị đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, ít liên lạc với nhau. Do vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần và không còn

quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh K làm đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Trọng K có 01 con chung là Nguyễn An N, sinh ngày 18/6/2014, đang được bố mẹ chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn thì nguyện vọng của chị là được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến lúc trưởng thành. Do chị đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc nên chị có nhờ bố mẹ đẻ là ông Lê Anh D và bà Ngô Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung trong thời gian chị ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi con, chị và anh K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Nguyễn Trọng K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, chị đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc nên không có điều kiện về Việt Nam và có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt chị. Đồng thời chị đề nghị Tòa án gửi các văn bản của Tòa án đến bố đẻ là ông Lê Anh D, sinh năm 1965, trú tại số nhà C, đường N, tổ dân phố B, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, bố chị sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi cho chị.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Anh D và bà Ngô Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản trình bày: Ông, bà là bố mẹ đẻ của chị Lê Thị Hương L. Ông, bà biết anh Nguyễn Trọng K làm đơn xin ly hôn với chị L tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Trong thời gian chị L đi lao động ở nước ngoài và anh K cũng đang làm thủ tục đi lao động sang nước ngoài nên có gửi cháu Nguyễn An N là con chung của chị L và anh K cho ông, bà trông nom, quản lý, chăm sóc. Hàng tháng chị L và anh K đều gửi tiền về cho ông, bà nuôi dưỡng cháu đầy đủ. Nay, anh K và chị L đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án và thỏa thuận giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Do đó, chị L có nhờ ông, bà tiếp tục quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn An N trong thời gian chị L đang ở nước ngoài thì ông, bà hoàn toàn đồng ý và cam kết sẽ quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu chu đáo. Về công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện phải chăm sóc mẹ già, ốm đau nên ông, bà không thể trực tiếp có mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Về việc con gái Lê Thị Hương L có nhờ ông, bà nhận các văn bản của Tòa án thì ông, bà sẽ nhận và có trách nhiệm thông báo, gửi cho chị L.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án Ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Trọng K có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Hương L hiện cư trú tại Hàn Quốc; trước xuất cảnh, chị L có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì chị Lê Thị Hương L không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và yêu cầu không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Lê Thị Hương L đang cư trú tại nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi các tài liệu, bản tự khai đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với ông Lê Anh D và bà Ngô Thị Đ cư trú tại Việt Nam, đã gửi bản tự khai cùng các giấy tờ, tài liệu cho Tòa án nhưng không tham gia phiên tòa được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị L, ông D và bà Đ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu và lời khai của mình mà các bên đã cung cấp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử có mặt anh K, vắng mặt chị L, ông D và bà Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng K và chị Lê Thị Hương L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 02/02/2012, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm, đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có việc làm ổn định, bất đồng về quan điểm sống, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Đến cuối năm 2015 chị L đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, ít liên lạc hỏi thăm chia sẻ cuộc sống nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Từ cuối năm 2016 trở

đi thì vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Hiện tại, anh Nguyễn Trọng K và chị Lê Thị Hương L xác định tình cảm vợ chồng không còn và mong muốn ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Nguyễn Trọng K và chị Lê Thị Hương L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Trọng K yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Trọng K và chị Lê Thị Hương L có 01 con chung. Hiện nay, chị L đang ở nước ngoài và anh K cũng đang làm thủ tục để đi xuất khẩu lao động ra nước ngoài nên anh K và chị L thỏa thuận: Giao cho chị Lê Thị Hương L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn An N, sinh ngày 18/6/2014 đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Do chị Lê Thị Hương L đang sinh sống và lao động ở nước ngoài nên có nhờ ông Lê Anh D và bà Ngô Thị Đ trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn An N trong thời gian chị L ở nước ngoài. Ông D, bà Đ tự nguyện nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn An N chu đáo cho đến khi chị L về Việt Nam. Về công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn An N ông D, bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Trọng K và chị Lê Thị Hương L không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 37, Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Trọng K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng K và chị Lê Thị Hương L được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Anh Nguyễn Trọng K và chị Lê Thị Hương L có 01 con chung;

Giao cho chị Lê Thị Hương L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn An N, sinh ngày 18/6/2014 đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành (hiện con chung đang do ông Lê Anh D và bà Ngô Thị Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị L ở nước ngoài). Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con: Anh K, chị L và ông D, bà Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Trọng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Trọng K và chị Lê Thị Hương L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004049 ngày 30/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Trọng K đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Trọng K có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Anh D và bà Ngô Thị Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Chị Lê Thị Hương L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Đàn, Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn Quỳnh**